

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN
VÀ DU LỊCH BẢO VIỆT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

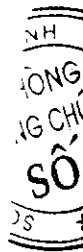
đã được kiểm toán

TRAC
HAS
01/12/2013

PHÁP
CỔ P
TU

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-16
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-16



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3400435240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 27 tháng 05 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại 706B, Đồi Cát Bay, KP5, Mũi Né, TP. Phan Thiết, Bình Thuận.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch
Ông: Đặng Đình Bình	Ủy viên
Bà: Trần Thị Bạch Yến	Ủy viên
Ông: Trần Huy Trung	Ủy viên
Bà: Đặng Tố Loan	Ủy viên

Tổng Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này:

Ông: Đặng Đình Bình	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Phạm Mạnh Tường	Trưởng ban
Ông: Nguyễn Minh Cường	Thành viên
Ông: Phan Văn Thông	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

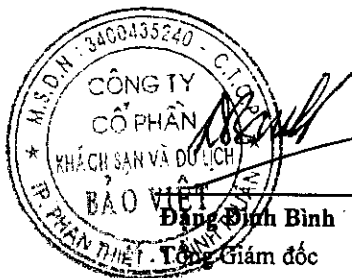
Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Bình Thuận, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Số: 34 /2014/BC.KTTC-AASC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được lập ngày 12 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 16, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ định ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc về "Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính" nêu trong mục 1, bản thuyết minh báo cáo tài chính. Trong đó đề cập về việc Công ty thay đổi cách thức hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính 2013.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2014

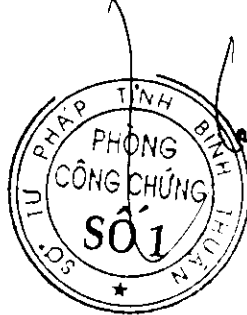
Nguyễn Quang Huy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1126-2013-002-1

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực quyển số SCT/CK
Ngày tháng năm

CÔNG CHỨNG VIÊN



Hoàng Thị Yến

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.785.161.444	11.034.389.198
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	274.907.723	1.893.670.307
111	1. Tiền		274.907.723	1.893.670.307
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu		7.391.766.912	8.531.895.167
131	1. Phải thu của khách hàng		14.310.000	40.895.455
132	2. Trả trước cho người bán		7.377.456.912	8.488.119.912
135	5. Các khoản phải thu khác		-	2.879.800
140	IV. Hàng tồn kho	4	-	26.902.707
141	1. Hàng tồn kho		-	26.902.707
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		118.486.809	581.921.017
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		79.828.026	394.323.934
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	5	38.658.783	187.597.083
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.716.188.448	38.404.897.092
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		41.405.276.646	38.096.839.833
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	703.139.666	968.076.198
222	- Nguyên giá		1.908.978.453	2.023.472.251
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.205.838.787)	(1.055.396.053)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	40.702.136.980	37.128.763.635
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		310.911.802	308.057.259
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	310.911.802	308.057.259
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		49.501.349.892	49.439.286.290

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. Nợ phải trả		933.840.878	871.777.276
310	I. Nợ ngắn hạn		933.840.878	871.777.276
312	2. Phải trả cho người bán		862.843.661	789.377.250
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	8.097.217	19.500.026
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10	62.900.000	62.900.000
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu		48.567.509.014	48.567.509.014
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	11	48.567.509.014	48.567.509.014
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(11.432.490.986)	(11.432.490.986)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>49.501.349.892</u>	<u>49.439.286.290</u>

Kế toán trưởng

Lê Thị Lệ Nga

Lập ngày 12 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đặng Đình Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	61.987.263	454.487.179
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.987.263	454.487.179
11	4. Giá vốn hàng bán	13	63.383.841	812.112.203
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.396.578)	(357.625.024)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	72.478.274	466.168.984
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	25.984.290
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		73.162.731	3.215.325.354
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.081.035)	(3.132.765.684)
31	11. Thu nhập khác	15	4.545.455	490.909
32	12. Chi phí khác	16	2.464.420	14.000.720
40	13. Lợi nhuận khác		2.081.035	(13.509.811)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	(3.146.275.495)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(3.146.275.495)

Kế toán trưởng



Lê Thị Lệ Nga

Lưu ngày 12 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Đặng Đình Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		94.771.444	500.620.442
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(43.959.404)	(2.514.577.874)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(23.666.000)	(2.303.416.400)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		728.239.144	2.177.773.696
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(34.475.101)	(146.814.577)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		720.910.083	(2.286.414.713)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(2.412.150.941)	(3.003.409.186)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		72.478.274	466.168.984
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.339.672.667)	(2.537.240.202)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.618.762.584)	(4.823.654.915)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.893.670.307	6.717.325.222
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	274.907.723	1.893.670.307

Kế toán trưởng

Lnl.

Lê Thị Lệ Nga

Lập ngày 12 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Dặng Đình Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3400435240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 07 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 27 tháng 05 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại 706B, Đồi Cát Bay, KP5, Mũi Né, TP. Phan Thiết, Bình Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

- Điều hành tua du lịch.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

- Công ty dừng hoạt động kinh doanh nhà hàng từ quý 2 năm 2013 do hoạt động không hiệu quả.
- Năm 2013, Dự án Khu du lịch sinh thái Bảo Việt - Mũi Né chậm triển khai do khó khăn chung của nền kinh tế, khối lượng đầu tư xây dựng thực hiện ít, chi phí quản lý đầu tư phát sinh lớn.
- Năm 2013, Công ty thay đổi cách thức hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, theo đó chi phí quản lý được ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu du lịch sinh thái Bảo Việt sau khi phân bổ một phần cho hoạt động kinh doanh nhà hàng và hoạt động tài chính. Từ năm 2012 trở về trước, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm sau khi phân bổ một phần cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của dự án Khu du lịch sinh thái Bảo Việt trên cơ sở giá trị xây lắp thực hiện trong năm theo tỷ lệ dự toán của tổng chi phí quản lý dự án trên tổng giá trị xây lắp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

Từ tháng 6 năm 2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, theo đó Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng, đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 3 năm.

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.8. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.9. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa/quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.10. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

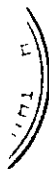
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.11. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.



3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	221.682.978	9.060.698
Tiền gửi ngân hàng	53.224.745	1.884.609.609
	274.907.723	1.893.670.307

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	12.692.925
Hàng hóa	-	14.209.782
	-	26.902.707

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	38.158.783	187.097.083
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000	500.000
	38.658.783	187.597.083

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	366.037.271	-	1.380.708.382	276.726.598	2.023.472.251
Tăng trong năm	-	-	10.032.800	-	10.032.800
- Tăng khác	-	-	10.032.800	-	10.032.800
Giảm trong năm	-	-	-	(124.526.598)	(124.526.598)
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(124.526.598)	(124.526.598)
Số cuối năm	366.037.271	-	1.390.741.182	152.200.000	1.908.978.453
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	247.499.337	-	651.523.259	156.373.457	1.055.396.053
Tăng trong năm	36.603.728	-	173.819.130	35.070.138	245.492.996
- Trích KH TSCĐ	36.603.728	-	173.819.130	35.070.138	245.492.996
Giảm trong năm	-	-	-	(95.050.262)	(95.050.262)
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(95.050.262)	(95.050.262)
Số cuối năm	284.103.065	-	825.342.389	96.393.333	1.205.838.787
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	118.537.934	-	729.185.123	120.353.141	968.076.198
Số cuối năm	81.934.206	-	565.398.793	55.806.667	703.139.666

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Dự án Khu du lịch sinh thái Bảo Việt - Mũi Né	39.491.781.528	35.999.483.271
<i>Chi phí xây lắp</i>	21.380.202.853	21.310.720.126
<i>Tiền sử dụng đất và thuế trước bạ</i>	8.177.699.250	8.177.699.250
<i>Chi phí quản lý dự án</i>	3.277.492.350	434.594.092
<i>Chi phí khác</i>	6.656.387.075	6.076.469.803
Nhà hàng B16-B17	1.210.355.452	1.129.280.364
	40.702.136.980	37.128.763.635

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	308.057.259	296.397.213
Số tăng trong năm	50.176.336	97.613.345
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	47.321.793	85.953.299
Số dư cuối năm	310.911.802	308.057.259
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	-	11.250.798
Giá trị còn lại CCDC chưa phân bổ	310.911.802	296.806.461
	310.911.802	308.057.259

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	8.079.817	11.218.917
Thuế tài nguyên	17.400	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.281.109
	8.097.217	19.500.026

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	26.000.000	26.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	36.900.000	36.900.000
	62.900.000	62.900.000

11. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000		(8.286.215.491)	51.713.784.509
Lợi nhuận (lỗ) phát sinh	-	-	(3.146.275.495)	(3.146.275.495)
Số dư cuối năm trước	<u>60.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(11.432.490.986)</u>	<u>48.567.509.014</u>
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	-	(11.432.490.986)	48.567.509.014
Lợi nhuận (lỗ) phát sinh	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	<u>60.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(11.432.490.986)</u>	<u>48.567.509.014</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông				
- Tập đoàn Bảo Việt	35%	35%	21.000.000.000	21.000.000.000
- Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị	25%	25%	15.000.000.000	15.000.000.000
- Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	30%	30%	18.000.000.000	18.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (trước đây là Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội)	10%	10%	6.000.000.000	6.000.000.000
			<u>60.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

12. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	61.987.263	423.216.724
Doanh thu cho thuê kios	-	31.270.455
	<u>61.987.263</u>	<u>454.487.179</u>

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ ăn uống	63.383.841	791.710.476
Giá vốn cho thuê kios	-	20.401.727
	63.383.841	812.112.203

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.478.274	466.168.984
	72.478.274	466.168.984

15 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.545.455	-
Thu nhập khác		490.909
	4.545.455	490.909

16 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi nộp phạt vi phạm bảo vệ môi trường	-	14.000.000
Chi phí khác	2.464.420	720
	2.464.420	14.000.720

17 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

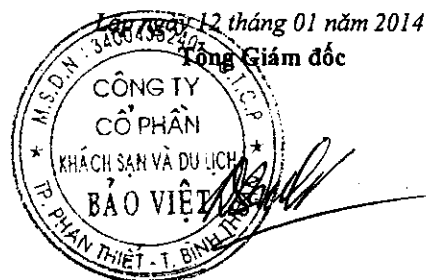
19 . THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán -AASC (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC).

Kế toán trưởng



Lê Thị Lệ Nga



Đặng Đình Bình